

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Số: 2087/TB-ĐHTN-SĐH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 12 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

C.V ĐẾN Số: 8.30 Ngày: 30 tháng 12 năm 2014 Kính gửi: 4

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2015

Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2015 như sau:

1. Thời gian, hình thức tuyển sinh

- Tuyển sinh đợt 1: Thứ Bảy, ngày 11 tháng 4 và Chủ Nhật, ngày 12 tháng 4 năm 2015.
- Tuyển sinh đợt 2: Thứ Bảy, ngày 19 tháng 9 và Chủ Nhật, ngày 20 tháng 9 năm 2015.
- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2. Các chuyên ngành và dự kiến chỉ tiêu (Bảng 1)

| TT | Chuyên ngành | Mã số | Có tuyển theo Đề án 911* | Chỉ tiêu | Trường ĐH đào tạo chuyên ngành |
|----|------------------------------------|----------|--------------------------|----------|---|
| 1 | Lý luận & Lịch sử Giáo dục | 62140102 | √ | 04 | - Trường Đại học Sư phạm; ĐT: 0280 3855785. Tổng chỉ tiêu: 49 |
| 2 | Quản lý giáo dục | 62140114 | | 04 | |
| 3 | Hóa vô cơ | 62440113 | | 04 | |
| 4 | Lý luận & PPDH bộ môn Sinh học | 62140111 | | 02 | |
| 5 | Lý luận & PPDH bộ môn Toán | 62140111 | | 06 | |
| 6 | Di truyền học | 62420121 | √ | 04 | |
| 7 | Sinh thái học | 62420120 | √ | 04 | |
| 8 | Toán giải tích | 62460102 | √ | 08 | |
| 9 | Văn học Việt Nam | 62223401 | √ | 05 | |
| 10 | Lịch sử Việt Nam | 62220313 | | 04 | |
| 11 | Ngôn ngữ Việt Nam | 62220102 | | 04 | |
| 12 | Khoa học cây trồng | 62620110 | √ | 05 | Trường Đại học Nông Lâm; ĐT: 0280 3852925 Tổng chỉ tiêu: 22 |
| 13 | Chăn nuôi | 62620105 | √ | 01 | |
| 14 | Ký sinh trùng & Vi sinh vật học TY | 62640104 | √ | 04 | |
| 15 | Dinh dưỡng và TĂ chăn nuôi | 62620107 | √ | 01 | |
| 16 | Lâm sinh | 62620205 | √ | 03 | |
| 17 | Quản lý đất đai | 62850103 | | 04 | |
| 18 | Khoa học môi trường | 62440301 | | 04 | |
| 19 | Kỹ thuật điều khiển và TĐH | 62520216 | √ | 08 | - Trường ĐHKT Công nghiệp; ĐT: 0280 3847155. Tổng chỉ tiêu: 15 |
| 20 | Kỹ thuật cơ khí | 62520103 | √ | 07 | |
| 21 | Vệ sinh XH học & Tổ chức y tế | 62720164 | | 15 | - Trường ĐH Y Dược; ĐT: 0280 3858198. Tổng chỉ tiêu: 15 |
| 22 | Nhi khoa | 62720135 | | | |
| 23 | Nội tiêu hóa | 62720143 | | | |
| 24 | Hoá sinh học | 62420116 | | 02 | - Trường ĐH Khoa học; ĐT: 0280390339883. Tổng chỉ tiêu: 04 |
| 25 | Đại số và lý thuyết số | 62460104 | | 02 | |
| 26 | Kinh tế nông nghiệp | 62620115 | | 05 | - Trường ĐH Kinh tế & QTKD; ĐT: 0280 3547653; Tổng chỉ tiêu: 15 |
| 27 | Quản lý kinh tế | 62340410 | | 10 | |
| 28 | Khoa học máy tính | 62480101 | | 10 | Trường ĐHCN thông tin và Truyền thông; ĐT. 0280 6255052. |

Tổng chỉ tiêu dự kiến: 130 chỉ tiêu.

* Đề án 911: "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường ĐH, CĐ giai đoạn 2010-2020".

3. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ (ThS); 04 năm với người có bằng đại học (ĐH). Trường hợp đặc biệt, đối với NCS chương trình đào tạo không thuộc Đề án 911, Giám đốc ĐHTN có thể quyết định thời gian đào tạo khác, nhưng tổng thời gian phải đủ như quy định trên, trong đó phải có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Trường để thực hiện luận án.

NCS thuộc Đề án 911 trong thời gian đào tạo sẽ có tối đa 6 tháng đi thực tập nước ngoài.

4. Điều kiện dự tuyển

4.1. Dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ không thuộc Đề án 911

4.1.1. Về văn bằng:

Người đăng kí dự tuyển cần thỏa mãn một trong các điều kiện:

- Có bằng ThS ngành đúng/ phù hợp/ ngành gần. Nếu bằng ThS ngành khác thì phải có bằng ĐH chính quy (CQ) ngành đúng/ phù hợp, và có ít nhất 01 bài báo nội dung phù hợp với chuyên ngành dự tuyển công bố trên tạp chí khoa học (KH)/ tuyển tập công trình hội nghị KH trước khi nộp hồ sơ.

- Có bằng ĐH hệ CQ ngành đúng/ phù hợp loại giỏi trở lên.

- Có bằng ĐH hệ CQ ngành đúng/ phù hợp loại khá, có ít nhất 01 bài báo nội dung phù hợp với chuyên ngành dự tuyển công bố trên tạp chí KH/ tuyển tập công trình KH trước khi nộp hồ sơ.

4.1.2. Về thâm niên công tác

a) Được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp: Có bằng ThS/ bằng ĐH hệ CQ loại giỏi;

b) Phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn phù hợp với ngành dự tuyển tính từ ngày có quyết định TNDH đến ngày nộp hồ sơ: Người có bằng TNDH hệ CQ loại khá.

4.1.3. Có một bài luận

Bài luận tối thiểu khoảng 8 - 10 trang khổ A4, gồm những nội dung chính: Đề cương đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu; Lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được; Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo ĐH Thái Nguyên; Kế hoạch thực hiện của từng thời kỳ trong thời gian đào tạo; Kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết và chuẩn bị của mình trong lĩnh vực dự định nghiên cứu; Đề xuất người hướng dẫn (*Danh mục hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học dự kiến nhận hướng dẫn NCS xem trên website: <http://www.tnu.edu.vn>*).

4.1.4. Có thư giới thiệu

02 thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành. Nội dung thư nêu nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển; Hoặc 01 thư của nhà khoa học và 01 thư của thủ trưởng đơn vị công tác của người đăng ký dự tuyển.

Người giới thiệu cần có ít nhất 06 tháng công tác/ hoạt động chuyên môn với người được giới thiệu.

4.1.5. Về trình độ ngoại ngữ

a) Phải có một trong các loại văn bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển, được cấp bởi ĐHTN/ trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền/ trường ĐH đào tạo ngoại ngữ tương ứng ở trình độ ĐH, với điểm tối thiểu cần đạt được sau:

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam | BEC | BULATS | CEFR |
|-----------------------------|-------|------------------------------|-------|----------------|-------------|--------|------|
| Cấp độ 3 | 4.5 | 450 ITP 133 CBT 45 iBT | 450 | PET | Preliminary | 40 | B1 |

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | Tiếng Nga | Tiếng Pháp | Tiếng Đức | Tiếng Trung | Tiếng Nhật |
|-----------------------------|-----------|------------------------|-----------|--------------|------------|
| Cấp độ 3 | TRKI 1 | DELFB1 TCF niveau 3 | B1 ZD | HSK cấp độ 3 | JLPT N4 |

b) Bằng ĐH/ bằng ThS đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng ĐH ngành ngôn ngữ nước ngoài;

4.2. Dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc Đề án 911

4.2.1. Tuổi đời: Không quá 45 tuổi tính đến năm đăng ký dự tuyển.

4.2.2. Nếu là giảng viên (GV) biên chế/ hợp đồng của các ĐH, trường ĐH/ cao đẳng, học viện có đào tạo trình độ ĐH, cần đáp ứng một trong các điều kiện:

- a) Có bằng ThS chuyên ngành đúng/ phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng ký dự tuyển.
- b) Có bằng TNĐH hệ CQ ngành đúng/ phù hợp với chuyên ngành dự tuyển, loại giỏi trở lên.

4.2.3. Người có nguyện vọng và cam kết trở thành GV, bao gồm: Người mới TNĐH hoặc ThS trong vòng 12 tháng tính đến ngày dự tuyển; Nghiên cứu viên của các Viện NCKH; Người có năng lực chuyên môn giỏi đang làm việc tại các đơn vị ngoài nhà trường, cần đáp ứng các điều kiện:

- a) Về văn bằng thuộc một trong các trường hợp:
 - Có bằng tốt nghiệp ThS và bằng ĐH hệ CQ đạt loại khá trở lên;
 - Có bằng TNĐH hệ CQ đạt loại giỏi trở lên. Sinh viên chương trình tiên tiến, kỹ sư chất lượng cao, cử nhân tài năng có bằng TNĐH loại khá trở lên.

Nếu TNĐH ở nước ngoài thì việc đánh giá loại TN, kết quả học tập theo quy định về đánh giá và thang điểm của cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc xét tương đương đánh giá xếp loại của Việt Nam;

- b) Được một trường ĐH/ cao đẳng ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm GV sau khi tiến sĩ;
- c) Đối với người mới TNĐH/ ThS trong vòng 12 tháng tính đến ngày dự tuyển cần có công văn cử đi dự tuyển của trường ký hợp đồng, trong đó cam kết tuyển dụng làm GV sau khi TN.
- d) Các điều kiện dự tuyển khác theo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

Hồ sơ dự tuyển phải có cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ giữa NCS, bố, mẹ hoặc người bảo lãnh của người dự tuyển và trường cử đi dự tuyển (*Xem Phụ lục Mẫu cam kết và Hợp đồng*).

4.2.4. Về trình độ ngoại ngữ:

Phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 theo khung CEFR trong thời hạn 2 năm. Trước khi đi thực tập nước ngoài, phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ C1 hoặc bậc 5/6 trở lên theo Khung tham chiếu Châu Âu chung về ngoại ngữ, trừ trường hợp cơ sở đào tạo nước ngoài có yêu cầu khác;

4.2.5. Các điều kiện khác: như quy định đối với chương trình đào tạo chung.

4.2.6. Quyền lợi và trách nhiệm của nghiên cứu sinh thuộc Đề án 911

a) Quyền lợi

Theo Thông tư số 130/2013/TTLT-BTC-BGDĐT, ngày 19/9/2013 của Liên bộ Bộ TC - Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn chế độ tài chính thực hiện QĐ số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án "Đào tạo GV có trình độ tiến sĩ cho các trường ĐH, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020", mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (NSNN) cho cơ sở đào tạo là:

- Nhóm ngành y dược: 16 triệu đồng/NCS/năm;
- Nhóm ngành KH tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, nông, lâm, thủy sản, thể dục thể thao, nghệ thuật: 14 triệu đồng/NCS/năm;
- Nhóm ngành KH xã hội, kinh tế, luật, khách sạn, du lịch và nhóm ngành khác (ngoài các nhóm ngành trên): 10 triệu đồng/NCS/năm.

Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 3 năm/NCS.

Ngoài ra, NCS còn được NSNN hỗ trợ thêm với mức hỗ trợ đối với ngành đào tạo tương ứng, nếu NCS có kết quả học tập và nghiên cứu tốt (theo hướng dẫn tại phụ lục kèm theo Thông tư 130/2013/TTLT-BTC-BGDĐT) để thực hiện các nội dung: (i) Đăng bài báo KH trong nước/ quốc tế; (ii) Khảo sát trong nước, thực hành, thí nghiệm phục vụ đề tài nghiên cứu; (iii) Tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế và đi thực tập ngắn hạn ở nước ngoài.

Thời gian hỗ trợ: Trong thời gian NCS học tại cơ sở đào tạo (không quá 3 năm).



b) Trách nhiệm

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung đã cam kết với trường cử đi học;
- Phải trở về công tác ở trường đã cử đi đào tạo sau khi tốt nghiệp (đối với người chưa là GV thì có văn bản tiếp nhận của trường).
- Nếu không hoàn thành chương trình đào tạo vì lý do chủ quan, không chấp hành đủ thời gian làm việc tại trường ĐH, cao đẳng sau khi được đào tạo sẽ phải bồi hoàn chi phí đào tạo (thời gian làm việc sau khi được đào tạo; mức bồi hoàn chi phí đào tạo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005 của Chính phủ).

5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ

Người có nguyện vọng đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ liên hệ với trường đại học đào tạo chuyên ngành để nhận mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển (ghi ở Bảng 1); Kê khai, xác nhận, hoàn chỉnh hồ sơ; Nộp 02 bộ cho Trường đúng thời gian quy định. Trong và sau ngày xét tuyển, ĐH Thái Nguyên không nhận bổ sung, thay đổi về bất kì nội dung nào của Hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Tuyển sinh đợt 1, nhận hồ sơ từ ngày 25/12/2014 đến hết ngày 11/03/2015.
- Tuyển sinh đợt 2, nhận hồ sơ từ ngày 20/05/2015 đến hết ngày 20/8/2015.
- Lệ phí đăng ký và lệ phí thi theo quy định của nhà nước.

6. Học phí

Nghiên cứu sinh, kể cả đối tượng thuộc Đề án 911 phải nộp học phí theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin tuyển sinh có trên các website: <http://www.tnu.edu.vn> và <http://sdh.tnu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các CSGDDHTV;
- Website của ĐH Thái Nguyên;
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Đặng Kim Vui